

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34 / 2019 /HSST

Ngày: 04 /9/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Đình Hồng; Bà Đặng Thị Thỏa

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trung - CB Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm sơn tham gia phiên tòa:

Bà Lê Huyền Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 4 tháng 9 năm 2019 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/ 2019 /TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32 / 2019 /QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo :

1. Trịnh Xuân D sinh ngày 25 /11/1984 tại: Huyện H , tỉnh T. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Khu phố Y , phường B , thị xã B, tỉnh T ; Nghề nghiệp : Không; Trình độ văn hoá: 7 /12 dân tộc: Kinh, giới tính: Nam ; tôn giáo: Không ; quốc tịch: Việt nam; Con ông : Trịnh Xuân C (đã chết), con bà : Nguyễn Thị H sinh năm 1952 , có vợ là Trương Thị H sinh năm 1990 (đã ly hôn) ; có 01 con sinh năm 2009.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 03 tiền án

-Ngày 23/3/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã B , tỉnh T xử phạt 09

(chín) tháng tù về tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” . Tại bản án phúc thẩm số 62/HSPT ngày 21/6/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh T giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngày 10/6/2010 mới thi hành xong phần án phí của bản án sơ thẩm và phúc thẩm.

-Tại bản án số 25/HSST ngày 22/5/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã B xử phạt 12 tháng tù về tội : “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

-Tại bản án số 80/HSST ngày 13/12/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã B tỉnh T xử phạt 48 (bốn tám) tháng về tội : “ Cướp giật tài sản”.

Về nhân thân:

Ngày 02/7/2004 bị công an thị xã B tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính 50.000đ về hành vi “ Trộm cắp tài sản”.

Ngày 02/6/2005 bị công an thị xã B tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính 100.000đ về hành vi “ Chiếm giữ trái phép tài sản”.

Bị tạm giữ tạm giam từ ngày 08/06/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

*Người bị hại: Anh Phạm Văn N sinh năm 1991

Trú tại: Xã M , huyện P , Tp H (vắng mặt)

Anh Đỗ Văn Đ sinh năm 1992

Trú tại: Xã M , Huyện P , Tp H (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/06/2019, Trịnh Xuân D một mình điều khiển xe máy Sirius màu đen, gắn biển kiểm soát 35F5-5649 đi đến khu vực ngã tư phường N , Tx B , tỉnh T . Tại đây, D nhìn thấy 01 chiếc xe ô tô tải thùng màu vàng do anh Phạm Văn N sinh năm 1991 ở M , huyện P , thành phố H điều khiển theo hướng H - T đang dừng đỗ ven đường, cạnh bên xe buýt trước cửa hàng điện tử C . Lúc này, anh N xuống xe để làm việc với cảnh sát giao thông. Trên xe có anh Đỗ Văn Đ cùng quê và là phụ xe cho anh N đang nằm ngủ. Quan sát thấy cửa xe bên ghế lái mở nên D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. D trèo lên ca bin xe, thấy ở khu vực cần số xe để 04 chiếc điện thoại và 1.005.000đ tiền mặt trong đó có 02 chiếc điện thoại (gồm Iphone X màu trắng và Iphone 5S màu trắng là của anh Đ , 02 chiếc còn lại là Iphone 6 Plus màu đen, Nokia 105 màu đen và 1.005.000đ tiền mặt là của anh N), D lấy toàn bộ số tài sản trên bỏ vào túi quần bên phải rồi đem về nhà cất giấu. Số tiền mặt 1.005.000đ D tiêu sài cá nhân hết 700.000đ, còn lại số tiền 305.000đ cơ quan điều tra đã thu được khi khám xét nhà D. Chiều cùng ngày, biết việc trộm cắp của mình bị phát hiện và bị công an truy tìm nên D đã đến cơ quan công an thị xã B để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tang vật thu giữ: -01 điện thoại di động Iphone X màu trắng bên trong không lắp sim và có số IMEI 354866094007487 ; số sê ri GHKXMZN9JCLJ ;

-01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu đen đã qua sử dụng, bên trong không lắp

sim số IMEL 35438606667082;

-01 điện thoại di động Iphone5S màu trắng có số IMEL 35881205776890, điện thoại đã qua sử dụng, bên trong không lắp sim;

- 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen, đã qua sử dụng, bên trong không lắp sim.

-305.000đ (ba trăm bẻ năm ngàn đồng).

-01 thẻ căn cước công dân mang tên Vũ Văn Tài.

-01 biển số xe máy BKS 35F5-5649

-01 xe máy nhãn hiệu Sirious màu đen không có tem mác , gắn biển số 29M8-7307 xe cũ, không có yếm nhựa hai bên.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 10/6/2019 của hội đồng định giá tài sản UBND thị xã Bỉm sơn đã kết luận:

- 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng mua tháng 3/2019 có giá trị hiện tại là: 14.500.000đ (mười bốn triệu, năm trăm ngàn đồng).

- 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus có giá trị hiện tại là: 5.300.000đ (năm triệu, ba trăm ngàn đồng).

- 01 điện thoại di động Iphone5S màu trắng có giá trị hiện tại là: 1.620.000đ. (một triệu, sáu trăm hai mươi ngàn đồng).

- 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen, đã qua sử dụng, giá trị hiện tại là 50.000đ (năm mươi ngàn đồng).

-03 sim điện thoại số di động có giá trị là: 25.000đ/01 sim; 03 sim có giá trị là: 75.000đ (bảy mươi lăm ngàn đồng).

Giá trị các tài sản D trộm cắp và số tiền mặt 1.005.000đ, nên tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là: **22. 550.000đ** (hai mươi hai triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Đối với 04 chiếc điện thoại trên, ngày 18/6/2019 cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Bỉm sơn đã trả lại cho các bị hại anh N , anh Đ .

01 thẻ căn cước công dân số 037087003746 mang tên Vũ Văn T, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T ở G , tỉnh N.

01 xe máy Sirious nhãn hiệu YAMAHA màu đen, gắn biển kiểm soát 35F5-5649, không có tem mác được bị cáo sử dụng khi đi trộm cắp tài sản là của anh Lại văn Đ sinh năm 1978 ở thôn L , xã H , B , T bị kẻ gian trộm cắp cuối năm 2018 cơ quan điều tra công an thị xã Bỉm sơn đã trả lại cho anh Đ. Tại cơ quan điều tra

Dùng khai chiếc xe này do một thanh niên lái mất gửi D, D không biết địa chỉ ở đâu. Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã B tiếp tục điều tra làm rõ.

-Đối với 02 chiếc xe biển số xe máy 35 F5-5649 và 29M8-7307 Cơ quan CSĐT đã xác minh làm rõ không liên quan đến các vụ án khác, chủ sở hữu cũng không có nhu cầu lấy lại các biển số trên hiện chuyển thi hành án Dân sự B để xử lý theo thẩm quyền.

Số tiền 305.000đ là của anh N đã được chuyển cho chi cục thi hành án dân sự B để xử lý theo thẩm quyền.

Số tiền 700.000đ trộm cắp được D đã tiêu sài hết. Ngày 15/8/2019 anh trai của D là anh Trịnh Xuân H đã đến Viện Kiểm sát nộp lại số tiền 700.000đ để khắc phục hậu quả. Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã chuyển chi cục thi hành án dân sự B để xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKSBS ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố T về tội: “ Trộm cắp tài sản” theo điểm g, khoản 2 điều 173 BLHS, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đề nghị hội đồng xét xử xử phạt bị cáo với mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm, (06) sáu tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng Hình sự từ các hành vi đến việc ban hành các quyết định tố tụng .

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa , nên hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/6/2019, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ quản lý tài sản, đã đột nhập vào xe ô tô có BKS 35F5-5649 trong khi anh Phạm văn N là lái xe đang xuống làm việc với cảnh sát giao thông, anh Đỗ Văn Đ là phụ lái đang ngủ trong xe. Bị cáo đã lấy đi 04 chiếc điện thoại di động , 03 sim điện thoại di động và số tiền mặt là 1.005.000đ nên tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là: **22. 550.000đ** (*hai mươi hai triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng*). Bản thân bị cáo đang có 3 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp : “ **Tái phạm nguy hiểm**” được quy định

tại điểm g khoản 2 điều 173 BLHS. Như vậy, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] **Xét tính chất vụ án:** Vụ án gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an trên địa bàn dân cư, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác. Cần thiết phải xét xử bị cáo bằng một mức án nghiêm khắc, nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] **Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:** Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thật thà, thành khẩn, bị cáo đã tác động cùng gia đình khắc phục hậu quả nộp lại số tiền 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng) để trả cho người bị hại là anh Phạm Văn N, có đơn xin đầu thú và khai báo các tình tiết liên quan đến vụ án nên được xem xét giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại các điểm s, b khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ Luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5] **Xét về nhân thân:** Bị cáo có nhân thân xấu, là đối tượng đã nhiều lần phạm tội và bị đưa ra xét xử nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà ngày càng dần sâu vào con đường phạm tội. Điều đó thể hiện bị cáo là đối tượng liều lĩnh coi thường pháp luật. Vì vậy, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một khoảng thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm.

[6] **Về trách nhiệm Dân sự:** 04 chiếc điện thoại bị cáo lấy trộm của anh Phạm Văn N và anh Đỗ Văn Đ đã được cơ quan điều tra thu hồi và trả lại cho người bị hại, không có ai có yêu cầu gì thêm nên không xét.

Đối với số tiền mặt, bị cáo lấy của anh Phạm Văn N 1.005.000đ bị cáo đã tiêu hết 700.000đ, còn 305.000đ nộp lại cơ quan thi hành án Dân sự B để trả lại cho anh Phạm Văn N. Anh trai bị cáo đã nộp lại 700.000đ tại cơ quan viện kiểm sát B để trả cho anh N, hiện nay đã được chuyển cho chi cục thi hành án Dân sự B. Vì vậy, anh Phạm Văn N được nhận lại số tiền 1.005.000đ tại chi cục thi hành án Dân sự B.

[7] **Về xử lý vật chứng:** - 02 biển số xe máy có BKS 35f5-5649 và 29 M8-7307 là vật không có giá trị sử dụng được. căn cứ vào điểm c khoản 2 điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy 02 chiếc biển số xe nói trên.

[8] **Về án phí:** áp dụng khoản 2 điều 136 bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Quốc hội buộc bị cáo Trịnh Xuân D nộp án phí HSST là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng)

Căn cứ vào những nhận định trên

QUYẾT ĐỊNH

- 1. Tuyên bố:** Bị cáo Trịnh Xuân D phạm tội: “ Trộm cắp tài sản”
- 2. áp dụng:** Điểm g khoản 2 điều 173, điểm s, b khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 38 Bộ Luật Hình sự.
- 3.Xử phạt:** Bị cáo Trịnh Xuân D 24 (*hai mươi tư*) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (08/06/2019)
- 4.Về trách nhiệm dân sự:** Trả cho anh Phạm văn N số tiền 1.005.000đ gồm 02 khoản (khoản 305.000đ và khoản 700.000đ) theo hai biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/8/2019 của chi cục thi hành án Dân sự Bim sơn)
- 5. Về vật chứng:** Tịch thu tiêu hủy 02 biển số xe máy có BKS 35f5-5649 và 29 M8-7307 (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/8/2019 của chi cục thi hành án Dân sự Bim sơn).
- 6. Về án phí:** áp dụng khoản 2 điều 136 bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Trịnh Xuân D nộp án phí HSST là **200.000 đ** (*hai trăm ngàn đồng*)
Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (4/9/2019). Người bị hại anh Đỗ Văn Đ và anh Phạm Văn N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- VKS Bim sơn
- NTGTT
- Thi hành án HS
- Chi cục THADân sự bs
- Tòa án tỉnh Thanh hóa
- Lưu CQ

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Hương

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ BỈM SƠN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: /2017/ HS-ST

Ngày:.....

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hương

Các hội thẩm nhân dân:

Thư ký phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm sơn, tỉnh Thanh hóa tham gia phiên
tòa : Kiểm sát viên.

Trong các ngày tháng năm tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn
xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: /2017/ TLST-HS

ngày tháng năm theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số /

/QĐXXST-HS ngày tháng năm đối với các bị cáo:

Sinh ngày tháng năm tại:

Dân tộc: . Giới tính Tôn giáo: Quốc tịch:

Con ông và bà: ; có vợ chồng là: và con

Tiền án: Tiền sự Nhân thân:

Bị bắt tạm giam ngày:

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

Ông (bà) sinh năm Nơi cư trú:

Nghề nghiệp là:

Người bào chữa cho bị cáo:

Người bị hại:

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau.

[illegible]

.....
.....
.....
.....
NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]

[2]

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Nơi nhận:

- VKSBỉm sơn
- CABỉm sơn
- Bị cáo, người bị hại
- THAHS Bỉm sơn
- Cơ quan THA Dân sự Bỉm sơn
- Toà án Tỉnh Thanh hóa
- Lưu

Thay mặt Hội đồng xét xử

Thẩm phán chủ tọa phiên toà

Tạ Thị Hòng

